TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Phan Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà H' Ra Chen - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Linh Thị L, sinh năm 1992 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn B, sinh năm 1991 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Linh Thị L trình bày: Chị Linh Thị L và anh Lâm Văn B kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Lâm Thị Ngọc M, sinh ngày 13/01/2013 và Lâm Thị Ngọc T, sinh ngày 27/12/2015. Thời gian về sau vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, chị L và anh B đã sống ly thân từ năm 2018.

Chị L cho rằng tình cảm đối với anh B không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị L đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con đến tuổi trưởng thành số tiền 50.000.000đ, cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Lâm Văn B trong quá trình giải quyết vụ án: Anh B thừa nhận việc kết hôn, đăng ký kết hôn và con chung như chị L trình bày là đúng sự thật. Anh B thừa nhận do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Anh B cũng không còn tình cảm với chị L nên đồng ý ly hôn.

Về con chung anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 50.000.000đ, cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Linh Thị L và anh Lâm Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh Thị L, cho chị Linh Thị L được ly hôn với anh Lâm Văn B.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lâm Thị Ngọc M, sinh ngày 13/01/2013 và Lâm Thị Ngọc T, sinh ngày 27/12/2015 cho anh Lâm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị buộc chị Linh Thị L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành số tiền 50.000.000đ, cấp dưỡng một lần, người đại diện nhận là anh Lâm Văn B.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Linh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Linh Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết nuôi con chung với anh Lâm Văn B có nơi cư trú tại Bon B, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị L với anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị L và anh B kết hôn năm 2012 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B là hợp pháp.

Xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng của chị L và anh B không có hạnh phúc, hôn nhân giữa chị L và anh B đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, cả chị L và anh B đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị L khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh B, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L với anh B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lâm Văn B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Lâm Thị Ngọc M, sinh ngày 13/01/2013 và Lâm Thị Ngọc T, sinh ngày 27/12/2015 đến tuổi trưởng thành, đồng thời yêu cầu chị L

cấp dưỡng nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành số tiền 50.000.000đ, cấp dưỡng một lần, người đại diện nhận là anh B. Chị L đồng ý với yêu cầu của anh B.

Cháu Lâm Thị Ngọc M và Lâm Thị Ngọc T đều có nguyện vọng được ở với anh B nếu chị L và anh B ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh B.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Linh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Linh Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Linh Thị L được ly hôn với anh Lâm Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Ngọc M, sinh ngày 13/01/2013 và Lâm Thị Ngọc T, sinh ngày 27/12/2015 cho anh Lâm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Linh Thị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu chị L lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung là anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L.

Chị Linh Thị L, anh Lâm Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Linh Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Lâm Thị Ngọc M, sinh ngày 13/01/2013 và Lâm Thị Ngọc T, sinh ngày 27/12/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) số tiền 50.000.000đ (Năm

mươi triệu đồng). Hình thức cấp dưỡng là cấp dưỡng một lần, người đại diện nhận tiền cấp dưỡng là anh Lâm Văn B.

3. Về án phí: Chị Linh Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0002694 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, chị L phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu